

# TỊNH TÔNG ĐỒNG HỌC TU HÀNH THỦ TẮC

## (Quy tắc tu hành của đồng học Tịnh Tông)

(Nguồn: [www.amtb.tw](http://www.amtb.tw))

*Tri ân báo ân*

*Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*

*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*



## Phần 1 – Giáo, Lý, Hạnh, Quả

### I. Giáo y (Kinh giáo nương theo):

(1) Cùng nương theo Tịnh tông ngũ kinh nhất luận.

(2) Chuyên nhất nương theo Vô Lượng Thọ Kinh - Bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, Phật

Thuyết A Di Đà Kinh - Ngẫu Ích Đại Sư Yếu Giải, Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm - Thanh Lương Đại Sư Sớ Sao để tu học.

(3) Nương theo Tịnh tông Tổ sư ngữ lục: Ấn Quang Đại Sư Văn Sao.

### II. Lý y (Lý luận nương theo):

(1) Lòng tin nương theo Yếu Giải lục tín (tự, tha, nhân, quả, sự, lý), vâng giữ pháp tạng nhiệm mầu Như Lai, hộ trì giống Phật khiến không dứt.

## TỊNH TÔNG ĐỒNG HỌC TU HÀNH THỦ TẮC

(2) Thập giới nhất chân, pháp thể gian và xuất thể gian, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, quán pháp như huyễn, tam muội thường tịch, thông chư pháp tánh, đạt chúng sinh tướng.

(3) An trụ trong trí huệ chân thật, khai hóa hiển bày chân thật tế, đem lại lợi ích chân thật, với các chúng sinh, xem như chính mình, niệm niệm lợi khắp quần sanh, tâm tâm lưu nhập biển giác.

(4) Lấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi làm tâm, lấy nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên làm hạnh, phá trừ hết thảy vọng tưởng chấp trước.

(5) Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, quyết định một đời vãng sinh bất thoái thành Phật.

### **III. Hạnh y (Thực hành theo):**

① Quán Kinh Tam Phước: [1] Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. [2] Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. [3] Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả.

② Lục hòa kính: Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân.

③ Tam vô lậu học: Khởi tâm động niệm, vĩnh viễn xa lìa tam độc ác não, tắt cùng thanh tịnh (giới), bình đẳng (định), chánh giác (huệ) tương

ung.

④ Bồ Tát lục độ: Hằng hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, sáu ba la mật, giáo hóa chúng sanh an trụ đạo vô thượng chân chánh.

⑤ Phổ Hiền Thập Nguyên: Điều cùng tuân tu hạnh đức của Phổ Hiền Đại Sĩ, [1] Lễ kính chư Phật, [2] Xưng tán Như Lai, [3] Quảng tu cúng dường, [4] Sám hối nghiệp chướng, [5] Tùy hỷ công đức, [6] Thỉnh chuyển pháp luân, [7] Thỉnh Phật trụ thế, [8] Thường tùy Phật học, [9] Hằng thuận chúng sinh, [10] Phổ giai hồi hướng. Học tập Bồ Tát, tu đại nguyện này, không có cùng tận, niệm niệm tương tục, không để gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp, không hề mệt mỏi.

#### **IV. Quả cầu (Kết quả mong đạt được):**

(1) Thực tiễn bốn điều tốt: Giữ tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt, thành người tốt. Thành tựu tự thân, trang nghiêm các hạnh, quy phạm đầy đủ.

(2) Noi theo năm mươi ba thiện hữu tri thức trong kinh Hoa Nghiêm, thề làm mô phạm tốt cho chúng sinh, gia đình, công việc, xã đoàn trong thế gian.

(3) Hòa hợp các chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, giữ những điều khác biệt mà vẫn đạt tới sự hòa đồng, cùng tồn tại, cùng phát triển.

(4) An định xã hội, nhân đức hưng vượng, hỗ trợ hợp tác, mọi người

## TỊNH TÔNG ĐỒNG HỌC TU HÀNH THỦ TẮC

đều bình đẳng, giàu có, vui vẻ, lợi lạc, hạnh phúc mỹ mãn, khuyến dụ sách tấn thế giới vĩnh viễn hòa bình.

(5) Tin sâu nhân quả, tín nguyện niệm Phật, cầu sinh Tịnh Độ, cùng chư thượng thiện, đồng hội Di Đà nhất thừa nguyện hải.

Bốn cương yếu trên đây xin kính cẩn dâng lên Tịnh Tông Liên Nghị Hội lần thứ nhất, kính mong chư thượng thiện nhân tham khảo chỉ giáo.

*Thích kính dâng, tháng 12 năm 1997.*

## Phần 2 – Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh

1. Tâm thường đề trụ độ thế chi đạo.

(Tâm thường trụ chắc nơi đạo độ thế)

2. Vì chư thứ loại, tác bất tỉnh chi hữu.

(Vì các thứ loại, làm bạn không tỉnh)

3. Vu chư chúng sinh, thị nhược tự kỷ.

(Với các chúng sinh, xem như chính mình)

4. Bất kế chúng khổ.

(Không nề các khổ)

5. Thiểu dục tri túc.

(Ít muốn biết đủ)

6. Ư chư hữu tình, thường hoài từ nhĩn.

(Với các hữu tình thường mang lòng từ nhĩn)

7. Hòa nhan ái ngữ, khuyến dụ sách tấn.

(Về mặt nhu hòa, lời nói dịu dàng, khuyến dụ sách tấn)

8. Cung kính tam bảo.

9. Phụng sự sư trưởng.

10. Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá.

(Khéo giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người)

11. Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi.

(Khéo giữ thân nghiệp, không mất oai nghi)

12. Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.

(Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm)

13. Quán pháp như hóa, tam muội thường tịch.

(Quán pháp như huyễn, tam muội thường tịch)

14. Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, A Di Đà Phật.

15. Phụng trì trai giới.

16. Hữu không nhàn thời, đoạn chánh thân tâm, tuyệt dục khú ưu, từ

tâm tinh tấn.

(Hễ có lúc rảnh rồi liền đoạn chánh thân tâm, tuyệt dục, bỏ lo lắng, từ tâm tinh tấn)

17. Bất đương sân nộ tật đồ.

(Không nên hờn giận, ganh ghét)

18. Yếu đương hiếu thuận, chí thành trung tín.

(Phải nên hiếu thuận, chí thành, trung tín)

19. Đương tín tác thiện đắc phước.

(Nên tin làm lành được phước)

20. Bất đắc tham thiết xan tích.

(Không nên tham tiếc, keo kiệt)

21. Bất sát sinh.

22. Bất thâu đạo.

23. Bất dâm dục.

24. Bất vọng ngôn.

25. Bất ỷ ngữ.

26. Bất ác khẩu.

27. Bất lường thiệt.

28. Bất tham.

29. Bất sân.

30. Bất si.

(Không giết hại sinh vật, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không thù dật, không nói lời hung dữ, không nói đâm thọc, không tham lam, không giận hờn, không si mê)

31. Kiểm liễm đoan trực, thân tâm khiết tịnh.

(Kiểm chế, thâm liễm, đoan nghiêm, chánh trực, thân tâm khiết tịnh)

32. Phụ tử huynh đệ phu phụ thân thuộc, đương tương kính ái.

(Cha con anh em, vợ chồng thân thuộc nên thương kính nhau)

33. Ngôn sắc thường hòa, mặc tương vi lệ.

(Nói năng hòa nhã, dùng chống đối nhau)

34. Trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi.

(Chọn lựa điều thiện để siêng năng thực hành)

35. Đương cần tinh tấn.

(Phải siêng năng tinh tấn)

36. Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới.

(Đừng theo tâm tham dục, cô phụ kinh giới)

37. Hà bất ư cường kiện thời, nỗ lực tu thiện, dục hà đãi hồ.

(Lúc còn khỏe mạnh sao không nỗ lực tu thiện, đợi đến lúc nào?)

38. Kính ư Phật giả, thị vi đại thiện.

(Kính Phật là điều đại thiện)

39. Thực đương niệm Phật, tiết đoạn hồ nghi.

(Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi)

40. Khai thị chánh đạo, độ vị độ giả.

(Khai thị chánh đạo, độ người chưa độ)

41. Tẩy trừ tâm cấu.

(Rửa trừ cấu nhơ trong tâm)

42. Ngôn hạnh trung tín, biểu lý tương ưng.

(Nói năng hành động thành tín, trong ngoài hợp nhất)

43. Thụ Phật minh hồi, chuyên tinh tu học, như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi.

(Vâng lời Phật dạy chuyên cần tu học, y giáo phụng hành, không dám có lòng nghi ngờ)

44. Đoan tâm chánh ý, bất vi chúng ác.

(Tâm ý chánh trực, không làm điều ác)

45. Đoan thân chánh niệm, ngôn hạnh tương phó, sở tác chí thành.

(Đoan thân chánh niệm, ngôn hành tương xứng, việc làm chí thành)

46. Độc tác chư thiện, bất vi chúng ác.

(Chỉ làm các điều thiện, không làm các điều ác)

47. Tôn thánh kính thiện.

48. Nhân từ bác ái.

49. Thân tâm khiết tịnh, dữ thiện tương ưng.

(Thân tâm thanh tịnh cùng thiện tương ưng)

50. Vật tùy thị dục, bất phạm chư ác.

(Đừng theo thị dục, không phạm điều ác)

51. Ngôn sắc đương hòa, thân hành đương chuyên, động tác chiêm thị, an định từ vi.

(Ngôn sắc hòa diệu, thân hành chuyên cần, hành vi cử chỉ bình tĩnh từ tốn)

52. Từ tâm chuyên nhất, trai giới thanh tịnh.

53. Tự tương ước kiểm, hòa thuận nghĩa lý, hoan nhạc từ hiếu.

(Cùng nhau kiểm điểm, hòa thuận đạo nghĩa, hoan hỷ từ hiếu)

54. Sở tác như phạm, tắc tự hồi quá.

(Nếu có sai phạm phải tự hồi cải)

55. Khứ ác tợu thiện, triều văn tịch cải.

(Bỏ ác làm lành, sáng nghe tối sửa)

56. Cải vãng tu lai, tẩy tâm dịch hạnh.

(Sửa xưa tu nay, gột rửa thân tâm)

57. Tâm vô hạ liệt, diệc bất công cao.

(Tâm không tự ti, cũng không cống cao)

58. Vị cầu pháp cố, bất sinh thoái khuất siểm ngụy chi tâm.

(Vì để cầu pháp này thì chớ nên sanh lòng thoái chuyển, không chân thành)

59. Đương hiếu ư Phật.

(Nên hiếu với Phật)

60. Thường niệm sư ân.

(Thường nghĩ đến ơn thầy)

61. Chủng tu phước thiện, cầu sinh tịnh sát.

(Vun bồi phước thiện, cầu sanh cõi tịnh)

62. Tích công lũy đức.

(Tích lũy công đức)

### **Phần 3 – Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thắng Chí Nhạo Kinh**

1. Dĩ chủng chủng nhu duyên ngôn từ, vị thuyết pháp yếu, linh kỳ hoan hỷ.

(Dùng các lời lẽ mềm mỏng nói pháp yếu khiến họ hoan hỷ)

2. Kiến tại gia, xuất gia Bồ Tát thừa nhân, thường sanh tín kính, khởi giáo sư tưởng.

(Thấy người thuộc Bồ Tát thừa dù là tại gia, hay là xuất gia, thường sanh lòng tin kính, tưởng như thầy dạy)

3. Bất cầu tha quá thất

(Chớ tìm cầu lỗi người)

4. Bất cử nhân tội

(Đừng nêu tội người)

5. Ly thô ngữ, xan lận

(Lìa lời thô, keo bẩn)

6. Đương xả ư giải đãi

(Hãy bỏ tính giải đãi)

7. Viễn ly chư hội náo

(Xa lìa các ồn náo)

8. Tịch tĩnh, thường tri túc

(Tịch tĩnh, thường biết đủ)

9. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo.

(Chẳng chấp vào danh tiếng, lợi dưỡng, quả báo)

10. Thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp.

(Thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp)

11. Trụ thanh tịnh hạnh, sanh giác ngộ tâm.

(Trụ hạnh thanh tịnh, sanh tâm giác ngộ)

12. Dĩ thiểu công dụng, thiện năng lợi ích vô lượng chúng sanh.

(Dùng ít công sức mà khéo có thể lợi ích vô lượng chúng sanh)

13. Phát khởi tinh tấn, phổ hộ chánh pháp.

(Phát khởi tinh tấn, hộ trì hết thấy chánh pháp)

14. Nhất thiết hạnh trung, tùy thuận nhi trụ.

(Tùy thuận trụ trong hết thấy các hạnh)

15. Hộ trì chánh pháp, bất tích thân mạng.

(Hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng)

16. Thường cần tinh tấn, bất cầu lợi dưỡng.

(Thường siêng tinh tấn, chẳng cầu lợi dưỡng)

17. Ư tứ chúng trung, tuyên thuyết chánh pháp.

(Ở trong tứ chúng, tuyên nói chánh pháp)

18. Thiện nhập nhất thiết chúng sanh tâm hạnh.

(Khéo vào trong tâm hạnh của hết thầy chúng sanh)

19. Tâm ý điều nhu, thường hoài từ mẫn.

(Tâm ý nhu hòa, thường ôm lòng từ mẫn)

20. Ư nhất thiết pháp, phát sanh thắng nhẫn, vô chấp trước tâm.

(Đối với hết thầy pháp, phát sanh tâm nhẫn thù thắng, không tâm chấp trước)

21. Bất tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tịnh ý lạc tâm.

(Chẳng tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tâm giữ ý lạc thanh tịnh)

22. Cầu Phật chủng trí, ư nhất thiết thời, vô vong thất tâm.

(Cầu Phật chủng trí, trong hết thầy thời, tâm chẳng quên mất)

23. Ư chư chúng sanh, tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm.

(Đối với các chúng sanh tôn trọng, cung kính, không tâm hèn kém)

24. Bất trước thế luận, ư Bồ Đề phần, sanh quyết định tâm.

(Chẳng dính mắc thế luận, sanh tâm quyết định nơi Bồ Đề phần)

25. Chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm.

(Trồng các căn lành, tâm thanh tịnh chẳng có tạp nhiễm)

26. Thanh tịnh thù thắng nghiệp, ái nhạo thường tu tập.

(Nghiệp thanh tịnh thù thắng, yêu thích thường tu tập)

27. Đương xả hạ liệt nghiệp, ưng cầu thắng thượng pháp.

(Nên bỏ nghiệp hèn kém, nên cầu pháp thắng thượng)

28. Độc tụng, tu hành, vị nhân diễn thuyết.

(Độc tụng, tu hành, vì người khác diễn nói)

29. Ư nhất cần tu thiền định Bồ Tát, diệc đương thân cận, cúng dường, thừa sự.

(Với một Bồ Tát tu thiền định, cũng phải nên thân cận, cúng dường, thừa sự)

30. Ư trí huệ trung, đương cần tu tập.

(Hãy nên siêng tu tập nơi trí huệ)

31. Hý luận, tránh luận xú, đa khởi chư phiền não, trí giả ưng viễn ly.

(Chỗ hý luận, tranh luận, khởi nhiều các phiền não, người trí nên xa lìa)

32. Thâm tín nhân quả.

(Tin sâu nhân quả)

33. Bất tham thụ, bất tham ngật.

(Không tham ngủ, không tham ăn)

34. Tâm vô tặc đồ.

(Tâm không ganh tỵ)

35. Cung dưỡng Tam bảo.

(Cúng dường Tam bảo)

36. Vị cầu vô thượng đạo, văn pháp vô yểm túc.

(Đề cầu đạo vô thượng, nghe pháp không chán đủ)

37. Đương xả nhất thiết, phi pháp chi hý luận.

(Nên bỏ hết thảy, những hý luận phi pháp)

38. Bất ưng kiến nhân quá, tự vị tối tôn thắng.

(Chẳng nên thấy lỗi người, tự bảo tôn thắng nhất)

39. Kiêu tứ, phóng dật bốn. Mạc khinh hạ liệt nhân.

(Kiêu ngạo phóng túng là cái gốc của sự phóng dật. Chớ khinh kẻ kém hèn)

40. Giác ngộ sanh tâm quý, yếu trụ tinh tấn lực.

(Giác ngộ sanh hổ thẹn, phải trụ sức tinh tấn)

41. Ư chư chúng sanh, khởi ư đại từ, vô tổn hại tâm.

(Đối với các chúng sanh, khởi tâm đại từ, không tổn hại)

42. Ư chư chúng sanh, tôn trọng cung kính, vô hạ liệt tâm.

(Đối với các chúng sanh, tôn trọng cung kính, không tâm khinh thường)

43. Sở hành tội nghiệp tầm quý phát lộ.

(Tội nghiệp trót làm hổ thẹn bày tỏ)

44. Cần tu nhẫn nhục hạnh, an trụ u nhẫn nhục.

(Siêng tu hạnh nhẫn nhục, an trụ trong nhẫn nhục)

45. Dẫn niệm vô thường, thân vật phóng dật.

(Nhớ sự vô thường, không được phóng dật)

## **Phần 4 – Tịnh Nghiệp Học Nhân Tu Hành Ngũ Đại Khoa Mục**

### **I. Tam Phước.**

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng từ bi không giết hại, tu thập thiện nghiệp.

2. Thọ trì tam quy, giữ vền các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Phát bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

### **II. Lục Hòa Kính.**

1. Kiến hòa đồng giải

2. Giới hòa đồng tu.

3. Thân hòa đồng trụ.
4. Khẩu hòa vô tranh.
5. Ý hòa đồng duyệt.
6. Lợi hòa đồng quân.

### **III. Tam Học.**

1. Giới.
2. Định.
3. Huệ.

### **IV. Lục Độ.**

1. Bố thí.
2. Trì giới.
3. Nhẫn nhục.
4. Tinh tấn.
5. Thiền định.
6. Trí huệ.

### **V. Thập Nguyện**

1. Lễ kính chư Phật.
2. Xưng tán Như Lai.

3. Quảng tu cúng dường.
4. Sám hối nghiệp chướng.
5. Tùy hỷ công đức.
6. Thỉnh chuyên pháp luân.
7. Thỉnh Phật trụ thế.
8. Thường tùy Phật học.
9. Hằng thuận chúng sanh.
10. Phổ giai hồi hướng.

## **Phần 5 – Luật Yếu Tiết Lục**

### **Quyển Thượng**

1) Phàm phu từ vô thủy kiếp đến nay, bị màn vô minh che lấp chon tánh, nên khởi các vọng tưởng, vin theo ngoại cảnh lục trần, lung tình nhiễm theo năm món dục ở thế gian. Thân khẩu ý tạo nhiều lỗi lầm, đọa lạc vào ba đường ác, luân hồi trong sáu nẻo, không mong có ngày được ra khỏi.

2) Sa-di lúc mới phát tâm xuất gia, vâng giữ 10 giới, siêng năng sách tấn tu hành, đoạn trừ phiền não hoặc-tập để mà cầu chứng được Niết-bàn diệu quả.

3) Giới là răn cấm, Luật là phép tắc. Phòng ngừa điều quấy, ngăn dứt điều ác nên nói là giới. Xử đoán nặng nhẹ, lúc nào nên khai duyên hay ngăn cấm mà khéo giữ cho đúng là trì hay phạm nên nói là luật.

4) Mười giới xác thật là bậc thang để vượt xuất thế gian, là cánh cửa đi vào Niết bàn vậy.

5) Do bệnh của chúng sanh chẳng giống nhau, nên phương thuốc được chia ra thành nhiều toa.

6) Luật chế tỳ-kheo, năm hạ về trước ròng chuyên rành về giới luật. Cần phải hiểu rõ thế nào là trì, phạm, biện rõ việc của tỳ-kheo rồi thì về sau mới được phép học tập kinh luận. Người thời nay học hỏi bỏ qua thứ lớp, nên chỗ hành trì đã mất đi thứ tự thì không do đâu mà được nhập đạo.

7) Khinh giới chính là toàn tự khinh mình; hủy bỏ luật lại trở thành chính tự hủy mình vậy. Ôi! tình vọng dễ quen huân tập, cái tốt cùng của đạo khó nghe, những bậc tốt chứng siêu quần trong vạn người khó có một.

8) Kẻ ngu không có con mắt huệ, chẳng biết rõ phải quấy, cuồng vọng tà kiến cố chấp, chẳng biết tuân theo thứ lớp mà học.

9) Phật tạng kinh nói: “Trước chẳng chịu học Tiểu thừa, sau rồi mới học Đại thừa, như vậy chẳng phải là đệ tử Phật.”

10) Giới chính là phao nổi để vượt qua biển khổ, là chuỗi anh lạc để trang nghiêm pháp thân, cho nên cần phải cẩn thận, chớ để có chỗ lơ đãng

khuyết phạm.

11) Vân Nhất luật sư nói: “Phật pháp ba đời đều lấy giới làm căn bản. Cái gốc mà không chịu tu thì cách đạo càng xa vời lắm vậy.”

12) Kinh Dịch nói: “Đức của thánh nhân sánh bằng trời đất, sáng bằng nhật nguyệt, biết thời tiết bốn mùa, cùng quỷ thần biết sự kiết hung. Đây là những bậc thánh ở thế gian.

13) Thánh nhân xuất thế gian tuy không nghe tiếng nói nhưng hiểu biết tâm niệm chúng hữu tình trong chín cõi, thấu lý chơn đề rõ các căn cơ, đức sánh bằng pháp giới. Cùng hai trí (căn bản trí & hậu đắc trí) sáng hiệp nhau, cùng thời biết bốn cơ (nhơn thiên, nhị thừa, Bồ tát & Phật) hiệp nhau, tối sáng cùng các thánh hiệp nhau.

14) Luật rằng: “Nên nhớ nghĩ chỗ xuất thân cùng ân đức của thầy bạn mà tinh tiến hành đạo, hầu mong độ thoát mẹ cha.”

15) Bọ bay máy cưa, côn trùng nhỏ nhít, bầm thụ đầy đủ sắc thân tâm tánh, đồng một nguồn giác, tham sống sợ chết, đau thương vui khổ cùng với loài người chẳng khác. Đã đồng một nguồn giác tức vị lai cũng đều là chư Phật.

16) Sáu căn sáu thức, nương nhau tương tục sanh khởi nên gọi là mạng. Một khi tương tục này đoạn dứt thì gọi là chết.

17) Trong ba nghiệp (thân, khẩu, ý) thì tâm là chủ tử, nên khi kết tội có

nhẹ có nặng là do tâm đối cảnh không đồng mà ra.

18) Kinh nói: “Không được thiêu đốt núi rừng vì tổn hại đến chúng sanh; moi móc hồ ao ngăn ngòi lấp rạch sẽ tàn hại các loài vật sống dưới nước.”

19) Đạo lý từ bi chính là con đường lớn lợi ích chúng sanh của Bồ tát. Từ là khiến cho vui, bi là dứt trừ khổ não.

20) Kinh nói: “Ra ơn giúp ngặt, khiến họ được an, nếu thấy kẻ khác giết hại, phải khởi lòng từ thương xót.”

21) Hết thấy chúng sanh đối với hai thứ tài, pháp, đa phần đều có chỗ thiếu thốn. Nên thấy chúng sanh khởi lòng tham lam bủn xỉn, phá giới, sân giận, lừa dối, tán loạn, ngu si làm chướng ngại phải nên vì họ giảng nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ mà cứu độ họ. Đem tài vật mà bố thí khiến cho thân được yên ổn, đem pháp lành bố thí khiến cho tâm được yên ổn.

22) Kệ rằng: “Đem tâm từ bố thí cứu giúp cho một người công đức lớn như đại địa. Vì ích kỷ riêng mình thì dầu bố thí cho tất cả được quả báo chỉ như hạt cải. Lại cứu giúp cho một người đang gặp ách nạn, lại trội hơn bố thí cho tất cả người khác.”

23) (Nếu mình vô tài lực) Thấy người khác sát sanh nên sanh lòng từ

mẫn, thương cho kẻ đang sát sanh kia, tội khổ ắt sẽ đọa vào ba đường ác. Còn kẻ đương bị giết kia ắt đau đớn tột cùng. Ôi! nghiệp báo oan gia đã kết chặt đời này, sự báo thù trả vay, vay trả biết đến đời nào mới dứt. Quán xét như thế rồi ta liền phát nguyện: “Nguyện ta tu hành mau đắc được bồ-đề, thế độ muôn loài thấy đều được giải thoát.”

24) Tội sát sanh khổ báo không lường, mà chịu tội khổ ấy biết kiếp nào mới hết. Ôi thật thảm thương.

25) Phật nói sát sanh có 10 tội:

- i. Thường chứa độc trong tâm, đời đời không dứt.
- ii. Chúng sanh chán ghét, mắt chẳng muốn nhìn.
- iii. Thâm thường niệm ác và nghĩ những việc ác.
- iv. Chúng sanh nhìn thấy sợ hãi như sợ hổ báo rắn rết.
- v. Khi ngủ hay giật mình, lúc thức tâm chẳng được yên.
- vi. Thường mơ thấy ác mộng.
- vii. Khi mạng chung thường chết một cách ghê gớm
- viii. Gây nghiệp nhơn chết yếu về đời sau.
- ix. Thân vừa hoại mạng chung liền đọa vào địa ngục.
- x. (Nếu tội trong địa ngục hết rồi) được sanh trở lại làm người thì thường chết yếu.

26) Những vật quý trọng như vàng bạc cho đến vật nhỏ như cây kim ngọn cỏ, người ta không cho thì mình chẳng được phép lấy.

27) Hoa Tụ Bồ tát nói: “Tội ngũ nghịch và tội tứ trọng ta còn có thể cứu được, còn tội trộm lấy vật của chúng Tăng thì ta không thể cứu được.”

28) Từ trước nói lấy vật của thường trụ cho đến đây nói trôn thuế, dối đồ v.v...phàm có lén lấy, đều liệt vào tội danh trộm cắp, tội này không thể sám hối.

29) Người xưa có câu: “Người không tốt không làm bạn, của phi nghĩa không lấy, của phi tài hại mình, lời nói ác hại người.” Ôi! kẻ thế Nho còn vậy, huống trang Thích-tử coi vàng ngọc như sành sỏi, mà chẳng bằng hay sao!?

30) Kinh nói: Hồi đời trước đức Phật còn làm người nghèo, ngài nói rằng: “Ta thà giữ đạo nghèo hèn mà chết, chớ chẳng làm người vô đạo, giàu sang mà sống.”

31) Kinh nói: Phật dạy các tỳ-kheo: “Nếu ai trộm cắp vật của người ta, sau khi mạng chung, sanh trong địa-ngục lửa dữ thiêu thân, nước đồng sôi rót vào miệng, hoặc trúng chảo dầu, quăng vào lò lửa, grom dao đâm lụi, hấp nóng, bỏ chỗ dơ thói, cối xay nghiền nát, cối giã đâm nhừ, chịu đủ điều chua chát đau đớn không thể kể xiết. Chịu tội ở địa-ngục xong, sanh làm loài súc sanh trải qua trăm nghìn năm khổ cực để trả nợ cho người.

32) Bồ tát giữ giới-trọng cũng như giới-kinh luôn luôn kiên cố và kính trọng, không hề khác biệt.

33) Kinh nói: “Nếu như các thế giới, chúng sanh trong sáu đường, tâm không dâm thì không dính líu theo dòng sanh tử, tâm dâm chẳng trừ thì trần lao không thể nào ra khỏi. Cho nên phải đoạn trừ động cơ dâm, cho đến thân và tâm chỗ đoạn cũng không, thì quả Phật bồ đề mới mong khá được.”

34) Kinh nói: ” Tuy dâm lung mà sống, chẳng bằng như trong sạch mà chết.”

35) Lời nói, hành động tuy lành, nhưng không có thật tâm cũng chẳng phải là môn đồ của Thánh nhơn vậy.

36) Bài ca lời tình đều là thứ khêu gợi lòng ái dục, làm tăng trưởng niềm bi ai cho người, khiến người nghe xiêu cảm lòng người, làm thay đổi tánh thường của người, xao động tâm chí người, làm mất chánh niệm của người.

37) Miệng thốt những lời thô ác bất thiện, mạ nhục hủy báng người ta. Lửa sân một phen nổi lên, phùng miệng, đốt lòng, hại người trước mặt đau đớn như dao cắt, thật trái niệm từ của Bồ tát, cũng trái tâm lành kẻ xuất gia.

38) “Thành Thật Luận” nói: “Lòng lành dạy bảo, tuy họ biệt ly, nhưng mình không mắc tội. Nếu đem lòng ác, xúi người đánh lộn, tức là hai lưỡi,

mắc tội rất nặng đoạ trong ba đường ác, đời đời mắc quả bà con hung dữ và phá hoại gia đình. Là vì đời nay ta phá hoại gia đình bà con người khác nên mắc phải quả báo biệt ly.

39) Phật bảo A-nan: “Người sanh trong đời, họa từ miệng mà ra, Phải giữ gìn nơi miệng còn hơn lửa dữ, vì lửa dữ bùng cháy đốt của thế gian, miệng dữ bùng cháy đốt “thất thánh tài.” (1. Chánh tín, 2. Tinh tấn, 3. Giữ giới, 4. Biết hổ thẹn, 5. Ưa nghe Phật pháp và dứt trừ phiền não, 6. Thiền định, 7. Trí huệ).

40) Không Tử nói: “Giấu sự tốt của người, gọi là che lấp người hiền. Bày cái xấu của người ấy là đưa tiểu nhân.” Thái Công nói: “Muốn đánh giá người ta, phải đánh giá mình trước, lời nói hại người, trở lại hại mình, ngậm máu phun người, miệng mình dơ trước.”

41) Kinh “Vị Tăng Hữu” nói: “Vọng ngữ có hai loại nặng và nhẹ. Vì có muốn người cúng dường cho nên ngoài hiện hạnh tinh tấn, trong tâm làm việc tà trực, nói vọng với người rằng: Ta đặng cảnh giới thiền định! Hoặc nói thấy Phật, thấy trời, rồng, quỷ thần v.v... gọi là đại vọng ngữ, đoạ vào A-tỳ địa ngục. Lại có người nói vọng, hay khiến chết người, phá hoại nhà người, hoặc trái lời kỳ hẹn, khiến người buồn giận, gọi là vọng ngữ bức hạ, đoạ địa ngục nhỏ. Còn bao nhiêu những việc nói chơi giỡn cười và như những việc lý đáng giấu, sự đáng cấm, có nói không, không nói có, – không phạm.

42) Còn các lời nói vọng vì cứu người nạn phương tiện chước khéo, từ bi lợi giúp ấy, – không phạm.

43) Tư Mã Ôn là người hiếu thuận, trung tín, cung kiệm, chánh trực từ bé đến già chưa từng nói vọng ; cho nên ông thường nói: “Đạo chí thành rất khó vào, song phải bắt đầu từ việc chẳng nói vọng trước.”

44) Kinh chép sự tích, “Một Sa-di khinh cười một thầy tỳ-kheo già đọc kinh tiếng như chó sủa, mà tỳ-kheo già đó, là bực A-la-hán, vì dạy ông Sa-di mau sám hối, khỏi đọa địa ngục, nhưng còn đọa làm thân chó.” Ôi! một lời nói dữ, mắc hại đến thế!

45) Kinh nói: “Luận kẻ ở đời, rìu ở trong miệng, sở dĩ chém mình là do lời nói ác.” Việc đáng chê lại khen, đáng khen lại chê, tự mình chuốc lấy sự khổ, quyết không có vui!

46) Luận Địa Trì nói: “Tội vọng ngữ làm cho chúng sanh đọa ba đường ác, bằng sanh trong loài người, phải chịu hai quả báo: Một là hay bị người chê bai ; Hai là bị người lường gạt.

47) Phật nói: Nếu ai y ta làm thầy, thì không được uống rượu và đừng cho người uống, đừng chứa để. Trừ phi có bệnh nặng, lương y bảo phải lấy rượu làm thuốc, thời tạm quyền mở cho, chớ không phải ăn uống hoài hũ. Nếu không bệnh giả bệnh, bệnh nhẹ giả bệnh nặng, đều phạm.

48) Xưa có ông Ưu-bà-tắc nhơn phá giới rượu si mê bèn phá luôn các giới khác. Trong 36 lỗi, một phen uống rượu đủ hết, lỗi chẳng phải nhỏ vậy.

49) Kinh nói: “Rượu là gốc buồng lung, muốn khỏi đường ác, đừng uống, thả bỏ trăm nghìn thân, chớ hủy phạm giới pháp. Thà khiến thân héo khô, trọn không uống rượu này, dầu cho tội hủy giới mạng sống đủ trăm năm, chẳng bằng giữ giới cấm, tức thời thân tiêu diệt.”

50) Kinh nói: “Không mặc đồ tơ lụa hàng nhiều phương Đông, và mang giày, dép, cáo cừu, áo yết, cùng ăn vị “nhũ lạc đề hồ” này vậy. Tỳ-kheo như thế mới là chơn giải thoát, đối với đời khỏi nợ trước đền bù mà phải trở lại tam-giới.

51) (Mặc áo thô) Chỉ vì dứt tâm mong cầu và đoạn niệm buồng lung, ngộ hầu tấn tu đạo niệm, như trong Kinh có nói “Trọng đức bất trọng vật” vậy.

52) Kẻ thiên giảng đời bây giờ nói mình là bậc đại thừa không chấp sự tướng, lụa, the đua tốt, tranh tươi, tím tía, xanh đỏ giành màu, buồng lung tình tham, thấy đều trái lời Phật dạy. Đâu chẳng nghe ông “Hoành Nhạc” mặc áo bàng cỏ ngại, đỡ gió sương. Ngài Thiên Thai 40 năm chỉ mặc một áo nạp. Ngài Vĩnh Gia không mặc áo miệng tâm. Ông Kinh Khê mặc tám áo vải to. Bởi vì các ngài đây là người thâm hiểu lý đại-thừa, mới chuyên tu khổ hạnh như thế. Xin hãy xem chư vị Tổ đức mà chớ nhiễm thói tà. Vâng theo lời đức Phật để tu thân, xứng đáng trang Phật-tử vậy.

53) Xưa có vị Cao Tăng 30 năm mang một đôi giày, huống chúng phạm ư!?

54) Như Kinh đã nói: Ngủ hoa còn có điểm bị Thần trách, hưởng chi mũi ngủi, thân thoa như đức, khá chẳng răn dè ư!?

55) Xưa có ông tiên nhân nghe người nữ ca hát, âm thanh vi diệu liền mất thần túc, xem nghe còn mắc hại đến thể, hưởng tự mình làm ư!?

56) Kinh nói: “Hoặc cho người nổi nhạc đánh trống, thổi ốc, ống tiêu, ống địch, đờn không hầu, đờn tỳ-bà, cái náo, cái đồng bát, các tiếng hay như vậy đều đem cúng dường các đức Phật, hoặc đem tâm hoan hỷ, ca vịnh khen công đức của đức Phật, nhĩn đến một tiếng nhỏ cũng được thành Phật. Huống chi kinh nói: “Cho người khác (cư sĩ) làm, rõ là không phải thầy sa-môn tự làm vậy” Kinh lại nói: “Đem cúng dường đức Phật, rõ là không phải để tự vui cho mình” vậy.

57) Những chùa làm đạo tràng pháp sự của nhân gian họa may còn làm được. Nay ta vì đường sanh tử, bỏ tục xuất gia, đâu nên chẳng tu việc chính mà cầu học nghề âm nhạc cho hay.

58) Người có trí biết tiếng kia sanh diệt, trước chẳng chờ sau, sau chẳng kịp trước, thì dầu có tướng cũng như không tướng. Quan sát được như thế, thời mới khỏi đắm mê, những người như thế, dù âm nhạc chư Thiên, cũng chẳng loạn cho họ được hưởng chi tiếng của nhân loại.

59) Người xưa dùng cỏ làm đồ ngồi, đêm thì nằm dưới gốc cây. Nay ta có giường chõng cũng đã hơn xưa rồi, sao còn muốn cao rộng buông lung vóc huyền!?

60) Ngài Hiếp Tôn giả, một đời lưng chẳng đặt xuống chiếu. Tổ Cao Phong Diệu thiền sư nguyện đứng 3 năm chẳng nương giường chõng. Ngài Ngộ Đạt thọ tòa trầm hương còn tồn phước mà chiếu lấy quả báo. Than ôi! Khá chẳng rắn dè lắm ư!?

61) Thiên là tâm Phật, Luật là hạnh Phật. Đại-thừa, tiểu-thừa đồng học hết thầy. Có đâu tỏ ngộ tâm của Phật-tổ mà chê hạnh của Phật-tổ?

62) Giới luật phế bỏ đã lâu, nhất thời khó lòng cải chánh trở lại, cho nên cổ đức quyền khai, hy vọng có thể khôi phục lại.

63) Không nên chấp theo quyền-pháp mà bỏ thật-pháp, lấy đó làm phép tắc thường hoai. Y pháp chẳng y người mới phải là Phật-tử chánh kiến.

64) Kinh nói: Phật dạy sau giờ ngọ không ăn có năm việc phước (1) ít dâm, (2) ít ngủ, (3) được nhất tâm, (4) ít hạ phong, (5) thân được yên ổn lại chẳng sanh bệnh.

65) Thường phải quán sát thân này là gốc sanh, già, bệnh, chết, là nguồn các khổ, tự phải thâm trách, ngăn tình dục, sao lại buông lung ái căn kia, để tự tăng thêm gốc khổ cho mình!

66) Giới luật đều cần như chim hai cánh, bay liệng trời xanh gió Phò Diêu ở dưới muôn dặm, đâu không khoái ư!? Thoảng một phen vọng sanh tâm tà giải liền mắc vào cái chấp ngoan không, chê nhân-quả, tác tội tại tâm để rồi chung thân chịu khổ lụy.

67) Kẻ ăn “phải thời” tức là ruộng phước, tức là người xuất gia, tức là bạn lành của trời người, tức là vị Đạo sư cả cõi nhơn thiên.

68) Vàng bạc bảy báu đều làm tăng trưởng tâm tham ái của người, cho nên hư hại đạo nghiệp tu hành; tham là căn của ngã-quỷ. Ái là gốc sanh-tử. Đức Như-lai ra đời vốn vì đoạn tuyệt nguồn gốc sanh tử của chúng sanh, nên dạy xa lìa lợi đời, áo cơm, phòng nhà đã nhờ người thí chủ, cho nên chứa để vàng bạc cũng thành chỗ vô dụng.

69) Người đời nay, chẳng thể đều đi khát thực hoặc phải đi xa, khó tránh khỏi việc hao phí tiền bạc. Cố nhiên như vậy, nhưng phải biết trái lời Phật dạy, sanh tâm rất hổ thẹn. Nghĩ thương người nghèo khó, thường làm việc bố-thí. Không tham cầu, chẳng chất chứa, chẳng buôn bán và không dùng bảy báu để trang nghiêm y phục, khí cụ các vật v.v... họa may còn được.

70) Kinh nói: “Chớ nên chất chứa của báu nhỡ, người cho không thọ, thọ thời đừng để, đem giúp người nghèo ngặt, và thường vì người nói đức bất tham.” Bộ Nghiệp Sớ nói: Nếu đem tâm tà và tham nhiễm ham lợi bán Pháp, lễ Phật, tụng Kinh, nhịn ăn, v.v... chỗ có được của cải đều là của bất chính để nuôi mạng sống. Thấy đều chỉ là làm tăng trưởng gốc tham ái, tạo thành cái nghiệp lậu hoặc luân hồi vậy.

71) Phật bảo các tỳ-kheo: Nếu ta không giữ giới, sẽ đọa trong ba đường ác, còn chẳng được làm thân người hạ tiện. Huống chi giáo hóa thành thực

chúng sanh, và gây dựng nên cõi nước thanh tịnh của Phật, đầy đủ nhất thiết chủng trí.

### **Quyển Hạ (70 điều)**

1) Kinh Hoa Nghiêm nói: Giữ gìn trọn đủ phép dạy oai nghi, hay khiến ngôi Tam-bảo chẳng đoạn, phải vậy.

2) Đời mạt-pháp tình người hay sanh tâm biếng nhác, cho nên nghe nhiều thời sanh tâm chán nản, vì thế nên bớt bỏ văn nhiều mà dùng câu tóm gọn cho dễ người học và đọc.

3) Tập A-hàm kinh nói: “Phật bảo các tỳ-kheo, nên giữ lòng cung kính, thường nhiếp buộc tâm, thường thận trọng kính sợ. Nếu không cung kính, chẳng nhiếp buộc tâm, chẳng thận trọng lo sợ, mà muốn làm cho oai nghi được đầy đủ quyết không thể được. Không đủ oai nghi, muốn cho học pháp được viên mãn quyết không thể được. Học pháp chẳng viên mãn mà muốn khiến cho ngũ phần pháp thân được đầy đủ quyết không thể được. Ngũ phần pháp thân chẳng đầy đủ mà muốn đạt đến vô dư Niết-bàn quyết không thể được.

4) Trong Đại Luật dạy: Phàm người xuất gia, chỗ có nói năng đều phải nói lời có lợi ích, chẳng nên riêng giận và bàn luận việc người.

5) Luật dạy: “Đệ tử gặp hòa-thượng nên đầy đủ bốn tâm: (1) thân ái ; (2) kính thuận ; (3) úy nan (sợ khó) ; (4) tôn trọng. Phải khéo phụng dưỡng và tiếp nhận sự truyền thừa khiến cho chánh pháp được cửu trụ, lợi ích

càng được tăng trưởng rộng lớn.

6) Thiên Thành Phạm nói: “Sa-di ở với Thầy thường có tâm kính sợ, thuận theo ý thầy, thường biết xấu hổ lo đền 4 ân, cứu giúp 3 cõi.

7) Thầy là người làm khuôn mẫu dạy chúng sanh trong 3 cõi, thay Phật diễn nói chánh pháp, sanh giới thân cho ta, nuôi huệ mạng cho ta, nên ta phải kính trọng coi cũng như Phật.

8) Thầy tọa thiền chẳng nên làm lễ, thầy kinh hành chẳng nên làm lễ, thầy ăn cơm, thầy thuyết kinh, thầy đánh răng, thầy tắm rửa, thầy ngủ nghỉ, v.v... đều không nên làm lễ. Thầy đóng cửa chẳng nên làm lễ ngoài cửa. Muốn vào cửa lễ lạy, nên khảy móng tay ba lần (gõ nhẹ lên cửa ba lần cho thầy biết). Thầy không ưng thuận thì nên đi.

9) Hầu thầy chẳng được đứng trước mặt, chẳng được đứng chỗ cao, chẳng được quá xa, phải đứng sao để thầy nói nhỏ mình vẫn nghe được, khỏi phí sức thầy.

10) Nếu thưa hỏi câu chuyện Phật pháp, nên y áo chỉnh tề lễ bái, quỳ gối chấp tay mà thưa hỏi. Thầy có lời dạy bảo thì phải lắng lòng nghe kỹ, in sâu vào đầu.

11) Vì vọng niệm chẳng khởi nên gọi là lắng lòng. Vì lắng nghe nên gọi là văn huệ. Vì nhớ nghĩ tư duy nên gọi là tư-huệ, vì in sâu vào đầu gọi là tu-huệ. Song nghe có 3 bậc: (1) lấy thân mà nghe gọi là bậc thượng; (2) lấy tâm mà nghe gọi là bậc trung; (3) lấy tai mà nghe gọi là bậc hạ.

12) Ngũ Thập Tụng Luật nói: Làm đệ tử thường mến mộ đức của thầy chớ nên xoi bói lỗi nhỏ. Có tâm tùy thuận theo thầy thì được thành công, còn chăm nhìn vào lỗi thầy thì tự mình tổn phước. Chỉ Quán nói: “câu thầy chẳng phải ở nơi tận thiện tận mỹ, hầu thấy tất phải biết quên đi cái lỗi của thầy.”

13) Bồ tát Tùng Đầu-Suất Hạ Sanh Kinh nói: Người làm thị giả hầu thầy cần có đủ tám pháp: (1) Tín căn kiên cố ; (2) Có tâm tìm học, cầu tiến ; (3) Thân không các bệnh ; (4) Tinh tấn (5) Đủ tâm thương thầy (6) Tâm không kiêu mạn ; (7) Tâm bình tĩnh và quyết định ; (8) Đầy đủ trí nghe.

14) Phạm đệ tử phải lựa bậc minh sư gần gũi cho lâu, chớ nên lia thầy quá sớm. Nếu thầy thật sự không thông hiểu Phật-pháp, thì nên tìm bậc minh sư khác.

15) Đạt-thầu-noa là phạm ngữ, xứ này dịch là thí. Thí pháp thời gọi là Pháp-thí, thí tài thời gọi là Tài-thí. Người tại gia thực hành tài-thí, kẻ xuất gia thực hành pháp-thí. Kinh Nhứt Lãm nói: Tài-pháp nhị thí đầy đủ thì thành tựu, phước huệ lưỡng toàn mới có thể làm Phật.

16) Phạm nghe tiếng chuông chấp tay thăm tưởng bài kệ rằng: “Nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ, trí huệ trưởng, bờ-đề sanh. Lìa địa-ngục, vượt hầm lửa, cầu thành Phật, độ chúng sanh.” – Án già ra đế da ta bà-ha (3 lần).

17) Tạp Dụ Kinh nói: “Nghe tiếng chuông nằm chẳng dậy, hộ pháp và thiện thần giận, đương đòi phước quả ít, mắc báo sau này làm thân rắn.

Cho nên khi ta nghe tiếng chuông, ai còn nằm cũng phải ngồi dậy, chấp tay phát tâm lạnh, hiền thánh đều hoan hỷ”.

18) Người hiền có ba điều sợ: thầy tà, bạn xấu và ác thuật, bởi vì chúng hay ngăn chánh đạo, dẫn đi đường tà. Sớm biết thì được lành thiện, nếu không biết phản tỉnh, thì khi sống không chút lợi ích, chết đi phải chịu khổ dài dài.

19) Chẳng được ngồi nhìn đại chúng làm việc nặng nhọc mà mình lười nhác trốn việc. Ngồi nhìn là người không biết hổ thẹn, mà biếng nhác thì tổn phước. Kinh Thập Giới nói: “Phải dốc sức làm các việc của chúng Tăng”.

20) Chẳng được lấy riêng của Thường Trụ như tre, cây, hoa quả, rau trái, tất cả đồ ăn uống cùng hết thảy đồ vật, v.v...

21) Chẳng được đàm luận việc được mất thuộc triều đình công phủ, chính trị và những việc hay dở tốt xấu của người thế gian. Kinh Thập Giới nói: “Chẳng được luận nói chuyện quốc gia chánh sự, luận bàn việc hay dở, việc xuất trận hành binh, cùng đánh dẹp hơn thua” phải vậy.

22) Chẳng được nhân việc nhỏ mà tranh chấp, nếu gặp việc lớn khó nhẫn cũng phải tâm bình khí hòa, dùng lý lẽ để biện luận, không được thì bỏ đi, nổi giận nói lời thô, tức không phải là tăng sĩ tốt.

23) Trong Đại Luật nói: “Người không tu nhẫn nhục có năm điều lỗi:

1. Ngày càng hung ác;
2. Làm xong hối hận;
3. Nhiều người không ưa;
4. Tiếng dữ đồn khắp;
5. Chết đọa đường ác.

24) Trong Tứ Phần Luật, Phật dạy tỳ-kheo khi ăn, nên cúng thí đồ ăn cho người chẳng phải người (hàng phi nhân), nhần đến một năm cũng được, tùy chỗ thành tâm.

25) Phàm cơm xuất sanh nên để trong lòng bàn tay trái, tưởng niệm kệ rằng: “Nhữ đẳng quý thần chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhất thiết quý thần cộng”. Nghĩa rằng “Các người chúng quý thần, ta nay cúng thí cho người, cơm này khắp đủ mười phương, tất cả chúng quý thần”.

26) Phàm khi ăn phải làm năm phép quán: Một là xét kể công lao nhiều ít so với chỗ người mang đến, nếu ta không tu hành, một hột gạo cũng khó tiêu. Hai là xét đức hạnh mình đủ hay thiếu mà thọ nhận người cúng dường, nếu không giữ giới, ngồi thiền, tụng kinh, làm sáng việc Tam-bảo, thì đức kém, hạnh thiếu, không đáng thọ nhận người cúng dường, nếu thọ thì bị của thí đó làm cho ta phải sa đọa. Ba là ngăn tâm khỏi lỗi, mà tham sân là gốc. Kinh Luận Di Lạc Sở Vấn nói: “Tất cả tâm hành ác, đều từ tham, sân,

si sanh khởi. Bốn là chính như thuốc hay, chữa trị thân hình khô gầy. Nếu thấy được ăn uống, phải tưởng như là uống thuốc. Năm là vì thành đạo nghiệp, nên thọ thức ăn này. Nếu không vì đạo thì một hột gạo cũng khó tiêu.

27) Bộ Ma Đức Lặc Già Luận nói: “Nếu khi được ăn uống, mỗi miếng nên niệm thầm rằng: Muỗng thứ nhất nguyện dứt tất cả việc ác. Muỗng thứ hai nguyện tu tất cả việc lành. Muỗng thứ ba chổ tu các việc lành, nguyện hồi hướng cho tất cả chúng sanh, đều đồng thành Phật.”

28) Người xưa (như vua Vũ) nghe được lời lành liền bái tạ, (thầy Tử Lộ) nghe người chỉ lỗi cho thì vui mừng, đó là cốt cách của bậc thánh hiền, sao ta không bắt chước?

29) Trong kinh Thập Giới nói: “Phàm nghe pháp tướng như đói được ăn, như khát được uống, một khắc cũng không bỏ, chẳng cảm thấy chán khi nghe nhiều mới gọi là Phật tử.

30) Ba món huệ là Văn, Tư và Tu (nghe, suy ngẫm và tu tập), thiếu một cái cũng không thể được. Nếu nghe mà không suy ngẫm, như người cày ruộng xong mà không gieo giống. Suy ngẫm mà không tu, cũng như có gieo giống, nhưng không tưới nước và làm cỏ, cuối cùng không kết thành hạt. Nếu ba món huệ này được kiến lập, thì quả Tam-thừa quyết có thể được vậy.

31) Kinh Pháp Luật Tam-muội nói: (1) Học mà không biết được quyền

hay chúc khéo, khinh dễ thầy bạn, không có nhất tâm, ý hay dòi dôi. (2) Học văn chải chuốt mà không có thực hành, chỉ tham danh dự, trông mong được người kính trọng. (3) Học chỗ hầu thầy, chẳng siêng năng chịu khó, vừa được chút thành tựu, liền hư vinh cống cao. (4) Ưa thích học sách ngoại đạo, lại đem những dị thuật để sánh với lời kinh thậm thâm vi diệu của đức Phật, nói rằng đạo đạo đều ngang nhau. Những ác kiến như thế còn hơn cả thuốc độc, tất có hại cho “pháp thân huệ-mạng” vậy.

32) Người xưa nói: Việc học của người quân tử vào lỗ tai, để trong lòng, bủa khắp “tứ-chi” bày theo khi động tịnh. Còn việc học của kẻ tiểu-nhân thì vừa vào tai liền tuôn ra miệng, ở trong phạm vi của tai miệng chừng bốn tấc thôi, đâu đủ lành cho cái thân cao đến bảy thước!?

33) Giới lực giữ chưa được vững chắc, phải trở lại học luật, chớ nên sớm tới trường giảng kinh, luận. Giữ giới chưa vững thời tâm chí không định, gót chân chưa vững tất bị phong trần dòn dập xuống lên. Tánh tướng hai tông, làm sao thông hiểu được? Chẳng phải bỏ đây thích kia, tức cũng bài bác không nhân không quả, chê bai lẫn nhau, đến nỗi chuốc lấy tội nặng vô-gián, nên không thể không kiêng dè đó ư!

34) Trong Ngũ Khổ Chương Cú Kinh, Phật dạy: Bậc thiện tri thức muốn dạy kẻ mới học, nên thông thả từ từ, giảng dạy các việc ma cho họ biết nhơn duyên của ma để giữ gìn. Tội khổ trong đường sanh tử, năm đường phân rành, khiến họ tin có tội phước, mọi sự được lâu thông rồi, bây

giờ mới có thể nói việc đạo.

35) Luận người học phải y lời Phật dạy, chẳng được bỏ thứ lớp mà học, cho nên trước học luật, sau học kinh, như thợ mộc có dây mực, quy củ nắm chắc trong tay. Trước học kinh sau học luật như thợ mộc thiếu dây mực, thời kiểu mẫu vuông tròn ắt là sai phép.

36) Trong Đại Luật – Phật dạy có hai phép học: (1) Tụng kinh và hiểu nghĩa. (2) Tham thiền và quán tưởng. Thiền là để lắng vọng hiển chơn, giải là để khai mở trí huệ. Kinh Bát Nhã nói: (1) Học tham thiền để khai mở trí tuệ. (2) Học kinh để làm rộng thêm trí tuệ.

37) Bạc cổ đức nói: Người mà biết nhiều thì việc nhiều, chẳng bằng dứt ý. Lo nhiều thì tổn thất nhiều, chẳng bằng chuyên nhất. Lo nhiều thì chí tán, biết nhiều thì tâm loạn. Tâm loạn thì phiền não sanh, chí tán thì ngăn ngại đạo.

38) Hoặc có vị đàn-việt tín tâm đến thỉnh Tăng, muốn cầu phước để cho kẻ còn người mất được lợi ích, thì Phật cũng bảo một vị tỳ-kheo đến thuyết kệ và chú nguyện, cho đến tụng chừng một quyển kinh cũng đủ lợi ích cho người thí chủ.

39) Sách Nho nói: Tai họa trời giáng có thể tránh khỏi, phước họa người gây có thể chuyển hóa. Cho nên làm lành thì trời ban xuống trăm phước, làm chẳng lành thì trời gieo xuống trăm họa. Người xưa nói: Một niệm lành thì khí hòa gió tốt, một niệm ác thì quỷ dữ yêu tinh. Xét xưa nghiệm nay,

cũng đủ làm chắc thật.

40) Giàu sang nghèo hèn, tốt xấu được mất đều do đời trước tự mình gây tạo nghiệp nhân thiện ác, cho nên đến đời này được báo đáp. Tóm lại, y báo, chánh báo thọ quả chẳng đồng, chung quy vẫn tự mình tự gây tạo thiện ác. Nếu có thể đời đời cố nhiên chẳng phải chỗ khả năng của con người vậy.

41) Trong Đại Quán Đảnh Kinh, Phật nói: Sau khi ta diệt độ 1000 năm, có số tỳ-kheo thích học tập binh pháp, gàn gũi quốc vương, cùng các vương tử, phụ tướng lương dân để rồi hủy diệt pháp của ta. Do vậy về sau, thường gặp ác tâm, đoạn diệt pháp ta, tháp tượng bị hủy hoại, thần thánh không còn linh nghiệm, thiện thần không còn ủng hộ, nên khiến cho bị hủy hoại, không người phòng hộ ngăn chế. Pháp của ta đã biến hóa, vì vậy mà dần dần tiêu diệt.”

42) Kinh Thập Giới nói: Chẳng được ngược xem lịch số, coi tướng giàu nghèo, nào nhật thực, nguyệt thực, các sao dời đổi, núi lở, đất động, gió mưa, nắng lụt, năm được mùa và năm mất mùa, trong năm có tai dịch hay không tai dịch, v.v... các việc như trên quyết không nên học.

43) Họa phước định số đều bởi nhân đời trước. Nhân trước tuy đã định nhưng làm lành cũng có thể diệt được cái tội xưa. Làm ác quyết tổn phước lành của mình. Làm lành có thể bù lại cái quấy trước. Cho nên người đời có câu: Phong thủy đời người chẳng phải không, toàn nhờ âm đức giúp mới

xong. Giàu sang bằng theo phong thủy đặng. Quách Phác dầu còn cũng khó trông.

44) Phật bảo A-nan: “Chúng sanh đòi mặt pháp, bởi các tà sư mê hoặc, bảo giết hại chúng sanh cúng tế nếu muốn cứu nguy ách. Kẻ giết hại đã đắc tội, và thiên thần địa thần kia tất cũng chẳng dám thọ nhận. Vì vậy nên ta nay rộng diễn nói chương cú quán đảnh, chân thật chú thuật, để hóa độ các vị chưa tin, chẳng liễu giải đạo vậy. Ông nên lưu bố tuyên truyền, chớ để cho hủy thất”.

45) Chẳng được tập học sách vở ngoại đạo trừ trí lực có thừa, vì muốn biết sự sâu cạn của nội giáo và ngoại giáo thì có thể tìm đọc sơ qua, song cũng đừng sanh ý tưởng tập học.

46) Chẳng được học tập thi từ, không được để tâm luyện tập viết chữ cầu cho khéo, chỉ cần viết chép ngay ngắn là đủ.

47) Đối với kinh điển cũng như đối với Phật, không được giỡn cười. Không được mượn kinh của người để coi mà không trả, lại không có tâm quý trọng để đến nỗi hư rách.

48) Phàm vào cửa chùa, không được đi chính giữa, phải duyên theo bên trái bên phải mà đi. Duyên bên trái thì bước chân trái trước, duyên bên phải thì bước chân phải trước.

49) Nếu lễ lạy Tam-bảo, thường niệm tưởng Tam-bảo chỉ đồng một thể.

Giác ngộ rồi thì tất cả pháp gọi là Phật-bảo. Các pháp được giác ngộ đó gọi

là Pháp bảo, những người học pháp của Phật đó gọi là Tăng-bảo. Thời đủ biết tất cả phàm, thánh đều là đồng một thể không hai vậy.

50) Tự là Từ vậy, là nơi nghị sự. Từ là nơi thuộc về việc của nội phủ, cho nên đáng thiên-tử có cử tự. Hán Minh Đế năm Vĩnh Bình thứ 10, hai vị pháp sư Thiên-Trúc Ma-Đẳng & Pháp-Lan dùng bạch mã để chở kinh tượng đến Lạc Dương, được sắp xếp đi thẳng về an trí ở Hồng Lô Tự. Qua năm tiếp theo thì sắc lệnh bên ngoài Ứng Môn kiến lập riêng một tự viện khác. Dùng Bạch Mã làm tên, chính là để chẳng quên cái gốc vậy, lại gọi tên là Tự.

51) Phật nói: Nhiễu tháp có năm phước đức: (1) Đòi sau được thân tướng đoan chính. (2) Được tiếng nói hay. (3) Được sanh lên cõi trời. (4) Được sanh trong nhà vương-hầu. (5) Được đạo Niết-bàn.

52) Khi vào điện đường, Luật dạy phải đủ năm phép: (1) Cần có từ tâm cung kính tôn trọng người. (2) Nên thấp mình khiêm tốn như khăn lau bụi. (3) Phải biết khi ngồi, khi đứng dậy, khi cúi ngược cần phải theo thời. (4) Ở trong chúng không được nói lung tung. (5) Đối với những việc không thể nhẫn được cũng phải giữ im lặng.

53) Khi xem kinh, phải vững mình ngồi ngay ngắn, lắng lòng nghiêm tịnh quán xét, chẳng được phát tiếng. Vững mình ngồi ngay thì niệm chánh, lắng lòng thì lý sanh vậy.

54) Nên quý tiếc đồ vật của tăng-chúng. Đại luật nói: “Giữ gìn đồ vật

của thường-trụ của chúng-tăng như giữ gìn tròng mắt của chính mình”.  
Thiên Hành Hộ nói: “Lỡ có làm tổn hao các đồ vật của thường-trụ Tam-bảo, thì nên đền trả lại.”

55) Đòi nay chẳng biết tiếc của, đòi sau không có để xài, việc đòi còn vậy. Huống chi là vật của thường-trụ chúng tăng, mà chẳng có tâm quý tiếc giữ gìn hay sao!?

56) Kinh Ôn Thất nói: Tắm rửa có thể trừ được bảy thứ bệnh: (1) Thân tứ đại nhẹ nhàng. (2) Trừ chứng phong khí. (3) Trừ chứng tê thấp. (4) Trừ bệnh lạnh rét. (5) Trừ bệnh nhiệt khí. (6) Trừ nhơ nhớp. (7) Thân được sạch, mắt được tỏ.

57) Nằm phải nằm nghiêng hông bên phải gọi là cách ngủ tốt lành, chẳng được nằm sấp, cùng nằm nghiêng hông bên trái.

58) Đại luật nói: Có năm hạng người hỏi pháp đều không nên vì họ mà thuyết: (1) Hỏi thử. (2) Không nghi mà cố hỏi. (3) Không vì mình dạy bảo chỗ quấy, chẳng vì biết hỏi lỗi mà cố hỏi. (4) Không phục lời nói của mình nên cố hỏi, hỏi cho ra lẽ. (5) Cố hỏi để bắt bẻ làm khó. Những người thưa hỏi như trên đều không nên đáp.

59) Nếu vì họ mà thuyết Phật-pháp, trước phải khiến họ sanh tâm kính tin thâm sâu, phước huệ tăng trưởng, vượt thoát luân hồi, cũng tức là độ cha mẹ vượt ra khỏi biển khổ sanh tử luân hồi vậy.

60) Chẳng được ngó liếc hai bên, chẳng được nói chuyện tạp, nếu cùng

với người nữ nói chuyện chẳng được thấp giọng nói thầm, chẳng được nói nhiều. Chẳng được trá hiện oai nghi, giả trang thiền tướng cầu người cung kính. Chẳng được vọng thuyết Phật-pháp, loạn đáp lời hỏi của người, tự khoe mình đa văn, cầu người cung kính.

61) Chẳng được nói lỗi lầm trong tăng-chúng, phạm là người chưa phải bậc thánh-triết, mấy ai không lỗi. Ngài Ca-diếp còn đứng lên múa, vua Nghiêu Thuần còn mắc các bệnh. Ta không có con mắt-huệ đâu thể xét biết kia phải quấy thế nào, đức độ chúng-tăng lớn như biển, Phật còn khen ngợi, nếu ta chỉ trích, tự mắc khổ báo vậy.

62) Đi khát thực có được 10 điều lợi: (1) Để nuôi mạng sống thuộc về lợi mình, chẳng thuộc lợi người khác. (2) Người cho ta ăn, phải tưởng làm sao để ngôi Tam bảo được bền lâu vậy sau mới ăn. (3) Thường sanh lòng thương xót. (4) Thuận theo lời Phật dạy. (5) Dễ no và dễ sống. (6) Phá bỏ tâm kiêu mạn. (7) Được căn lành. (8) Những người tu pháp thiện nhìn thấy cũng noi theo. (9) Chẳng cùng nam nữ gần nhau. (10) Thứ lớp khát thực, sanh tâm bình đẳng.

63) Kinh Phật Thoại nói: “Tỳ-kheo ở nơi tự-lạc, dầu nghiệp thân khẩu tinh tấn chư Phật vẫn thường lo. Tỳ-kheo ở núi rảnh việc nằm không, chư Phật thấy đều mừng”. Nên cổ đức nói: “Tăng ở thị thành Phật-tổ la, tiên-hiền quý vị ở non mà. Nguồn trong trên núi nhân gian chảy, thanh thủy trở thành sông đục ra”.

64) Không được kéo nài mắc rẻ, cần thuận theo giá cả, chẳng nên xin bớt làm kém hao của người. Chẳng nên trả giá mắc, làm lãng phí của tín thí và thường trụ.

65) Đã hứa mua vật của người trước, người sau tuy có rẻ hơn cũng đừng bỏ kia mua đây khiến cho người chủ trước sân giận, lại đó chẳng phải tâm của người tu đạo.

66) Phải cẩn thận chớ bảo lãnh những người mắc nợ. Nếu ta bảo lãnh tội lỗi, nợ nần của người kia, về sau lại trở thành oán trách phỉ báng, đến nỗi ta phải mang lấy ương lụy vậy.

67) Phàm khi ra vào qua lại trước phải bạch thầy. Cho đến việc lớn, hoặc đi du phương, hoặc đi nghe kinh, hoặc đi nhập chúng, hoặc đi giữ vườn, hoặc muốn xây dựng việc chùa chiền, v.v... đều phải bạch thầy, chẳng được tự làm theo ý mình.

68) Đi xa phải nương bạn lành. Kinh Tâm Địa Quán nói: “Hết thầy Bồ tát tu thắng đạo, có bốn pháp yếu cần phải nên biết. Gần gũi bạn lành là một. Biết lắng nghe chánh pháp là hai. Như lý tư duy quán sát là ba. Như pháp tu hành chứng quả là bốn. Mười phương tất cả các bậc đại thánh đều tu theo bốn pháp yếu này mà chứng được bồ-đề”.

69) Kinh Nhân Quả nói: “Bạn lành có ba việc trọng yếu. (1) Thấy mình có lỗi liền biết can gián cho nhau. (2) Thấy mình có việc tốt liền hết lòng sanh tâm tùy hỷ. (3) Lúc gặp khổ nạn không rời bỏ nhau”.

70) Người xưa khi tâm địa chưa thông thì chẳng ngại đường xa nghìn dặm cầu thầy. Phải vì tìm thầy học đạo, quyết dứt đường sanh tử, chớ nên vì xem non ngắm biển, chỉ tính việc ngao du rộng xa để khoe khoang với người.

## Phần 6 – Bách Quá Cách

*(Bảng ghi 100 điều lỗi, dùng để tự xét lỗi hàng ngày)*

1. Sinh hoạt hàng ngày không bình thường.
2. Trang phục, dung mạo không chỉnh tề, sạch sẽ.
3. Tùy tiện khạc nhổ, vứt rác bừa bãi, vừa đi vừa ăn.
4. Thấy rác vứt bừa trên đất mà chưa thể tiện tay nhặt lên.
5. Bản thân hoặc nhà ở bẩn thỉu, lộn xộn, chưa thay đổi thói quen không sạch sẽ.
6. Còn có thói quen xấu như hút thuốc, uống rượu, nhai trầu ...
7. Không tuân thủ trật tự công cộng, lái xe không tuân thủ luật giao thông.
8. Ra vào những nơi không đúng chỗ.
9. Công việc không làm hết bổn phận, không có lòng kính trọng nghề nghiệp.

10. Sinh hoạt không có tinh thần phấn chấn, công việc hoặc tu học hiệu suất kém.

11. Không hòa thuận với người, không có tinh thần đoàn đội.

12. Khi gặp mặt hàng xóm, đồng nghiệp hoặc người quen biết chưa thể mỉm cười chào hỏi.

13. Chưa thể hòa thuận với người thân, hoà hợp với láng giềng, trông coi giúp đỡ lẫn nhau.

14. Gặp người tàn tật, người già, trẻ em chưa thể giúp đỡ.

15. Bình thường thích xem TV, báo chí, tạp chí ...

16. Xem phim, ảnh, sách báo... có nội dung sắc tình, thân tâm phạm tà dâm.

17. Nam nữ qua lại không bình thường.

18. Ngày hôm qua mắc lỗi mà hôm nay chưa sửa, tái phạm tập khí xấu.

19. Giết hại hoặc tổn thương chúng sinh hữu tình.

20. Tham cầu hưởng thụ ăn, mặc, ở, đi lại.

21. Trộm cắp hoặc lấy đi bất kỳ vật gì của người khác mà chưa được đồng ý.

22. Lục trai, thập trai, ngày đản sinh của Phật, Bồ Tát mà chưa thể ăn chay, đoạn dâm.

23. Bữa sáng bình thường chưa thể ăn chay.
24. Lãng phí ngũ cốc hoặc đồ ăn.
25. Không tiếc phước, sinh hoạt xa xỉ, lãng phí.
26. Gặp hình tượng Phật, Bồ Tát hoặc tăng chúng mà chưa khởi tâm thành kính hỏi thăm hoặc đánh lễ.
27. Đối với cha mẹ không hiếu thuận (để cha mẹ lo lắng hoặc nổi giận)
28. Đối với sư trưởng không cung kính, đối với anh em, bạn bè không trung tín.
29. Đối với người nhà hoặc giữa vợ chồng với nhau còn có chỗ chưa hòa hợp.
30. Đối với người không chân thành, thái độ cống cao ngã mạn.
31. Đối nhân xử thế không thành tín hoặc không giữ lời hứa với người.
32. Đối nhân xử thế còn thích chiếm lợi của người khác.
33. Đối nhân xử thế còn sợ người khác chiếm lợi của mình hoặc còn so đo tính toán thiệt hơn.
34. Đối nhân xử thế, học Phật tu hành còn có tâm hạnh phan duyên.
35. Đối nhân xử thế còn có tâm nghi kỵ, hoài nghi, đố kỵ.
36. Công khóa sáng tối chưa thể đúng thời hoàn thành viên mãn.

37. Niệm Phật chín lần trong ngày (Thập Niệm Pháp) chưa thực hiện được.

38. Bình thời chưa thể nắm lấy thời gian tu học, để thời giờ luống qua vô ích.

39. Tu học Phật pháp tâm bất chuyên, niệm bất nhất.

40. Học Phật tu hành giải đãi không bền chí, hoặc khởi tâm thoái lui, e sợ.

41. Gặp duyên đáng nên làm mà chưa làm, đáng nên xả mà chưa xả.

42. Giúp đỡ người khác không có tinh thần dũng cảm tiến tới.

43. Giúp người làm chuyện sai trái; thấy người lo lắng kinh sợ mà không an ủi.

44. Chúng sinh cùng chánh pháp hữu duyên mà chưa tích cực dẫn đạo.

45. Làm kinh doanh dùng thủ đoạn, phương pháp không chính đáng để mưu cầu lợi ích.

46. Có hành vi cùng tâm thái không làm mà hưởng như đầu cơ, đánh bạc, làm việc phi pháp, không làm ăn chân chính ...

47. Ngôn ngữ, động tác không đoan chính, thô tục bất nhã.

48. Miệng nói lời thô bạo, xấu xa, ô uế.

49. Miệng nói lời cợt nhả, thái độ nói chuyện không chừng mực.

50. Dùng lời hư giả không thật lừa gạt người khác.
51. Nói chuyện phiếm vô nghĩa hoặc xen vào những việc vô ích.
52. Không thận trọng lời nói, nói nhiều lời mà không có lời nào hữu ích.
53. Nói chuyện thích huênh hoang hoặc thích nổi trội hơn người.
54. Lời nói và hành vi không trung thực, hoặc gây thương tổn cho người khác, không sinh tâm hối lỗi.
55. Nói chuyện với tốc độ và âm lượng không thích đáng.
56. Nói chuyện chưa thể đúng lúc đúng chỗ, hoặc có thói quen ngắt lời một cách vô lễ.
57. Nói lường thiệt châm ngòi ly gián, bàn luận đặt điều thị phi.
58. Bàn luận chuyện phải trái của người, tùy ý phê bình người khác.
59. Làm người khẩu thị tâm phi, trong ngoài bất nhất.
60. Hủy báng Tam Bảo, phá hoại giáo dục chánh pháp.
61. Nói lời tốt đẹp để lừa gạt người khác, dùng hoa ngôn xảo ngữ để dụ dỗ người khác.
62. Thích nghe lời tán thán, nghe rồi sinh tâm vui thích, ghét nghe lời trái tai, nghe xong buồn phiền, bực tức, chưa thể phản tỉnh.
63. Tính tình vội vàng xao động, không thể nhẫn nhịn cơn giận nhất

thời.

64. Tâm lượng nhỏ hẹp, không thể bao dung, khoan thứ người khác.

65. Phóng túng, tùy hứng, làm theo ý muốn của riêng mình.

66. Khởi tâm động niệm tự tư tự lợi.

67. Trong lòng ngầm có ác ý hại người.

68. Ác duyên hiện tiền, tâm sinh phiền não, ôm hận hoặc khởi tâm báo thù.

69. Mắt thấy tai nghe, có điều gì hơi không thuận ý, lập tức sinh tâm không vui.

70. Nhìn thấy người, vật, việc, vẫn còn có tâm cảm thấy không thuận mắt.

71. Tham tiếc keo kiệt, không chịu bố thí hoặc bố thí rồi sinh tâm hối hận.

72. Không biết mệnh, không nhận mệnh, khởi tâm mong cầu ngoài phận của mình.

73. Khi thuận cảnh hiện tiền hoặc hơn người khác, sinh tâm kiêu ngạo hoặc thái độ cống cao ngã mạn.

74. Khi nghịch cảnh hiện tiền hoặc thất ý thì oán trời trách người hoặc khinh thị chính mình.

75. Hơi không vừa ý liền thở dài, than vãn, hoặc lập tức nổi giận.

76. Thấy người thành tựu thì sinh tâm tật đố, thấy người gặp khó khăn lại lấy làm vui thích.

77. Thấy người tốt, việc tốt mà chưa thể sinh tâm hoan hỷ.

78. Đối với thân tình, danh lợi còn chấp trước, còn có cảm giác lo được lo mất.

79. Dục niệm đối với ngũ dục lục trần còn nặng, cuộc sống trôi qua không có cảm giác vững chãi.

80. Thị phi xuất hiện không cách nào kịp thời quán chiếu dùng tâm bình thường đối mặt.

81. Phạm vào lỗi thấy việc thiện nhỏ mà không làm, thấy việc ác nhỏ mà làm.

82. Chưa thể thường nghĩ đến lỗi của mình, ngược lại thường thấy lỗi của người khác.

83. Vọng tưởng, phiền não sinh khởi mà không cách nào kịp thời quán chiếu lấy Phật hiệu để thay thế.

84. Bình thời tâm không có chánh niệm, vọng tưởng, tạp niệm toại bời.

85. Ngày hôm nay tâm xa cách đạo, cuộc sống rối ren hoặc phiền muộn không yên.

86. Đối với phụ mẫu, sư trưởng, hữu duyên thiện tri thức không mang tâm cảm ân.

87. Chưa thực hiện được việc nhìn thấy ưu điểm của người khác tự mình học tập, nhìn thấy khuyết điểm của người khác tự mình phản tỉnh.

88. Chưa thể thời thời sinh hồ thẹn, ngày ngày khởi sám hối.

89. Trong sinh hoạt chưa thể lấy tâm bình thường, tâm bình đẳng đối mặt.

90. Chưa thực hiện được sáng sớm niệm Phật sinh tâm hoan hỷ, trong ngày niệm Phật giữ tâm thanh tịnh.

91. Khi nói chuyện với người khác chưa thể dùng vẻ mặt nhu hòa, lời nói dịu dàng, thái độ khiêm tốn, chân thành.

92. Chưa thể dùng tâm chí thành, cung kính đối đãi tất cả mọi người.

93. Chưa thể giữ tâm ôn hòa, thiện lương, từ bi.

94. Chưa thực hiện được mỹ đức: Tạo phước, quý phước, tiết kiệm.

95. Chưa thực hiện được mỹ đức: Bên trong tự khiêm tốn, bên ngoài lễ phép, nhường nhịn.

96. Chưa thực hiện được: Điều mình không muốn đừng đem cho người khác.

97. Chưa thực hiện được: Đối với mình phải nghiêm khắc, đối với

người khác phải khoan dung.

98. Chưa thực hiện được: Nghịch cảnh đến vẫn thuận chịu, thuận cảnh đến không khởi tham trước.

99. Chưa thực hiện được tinh thần từ bi của Bồ tát, không đành lòng ăn thịt chúng sinh.

100. Chưa thực hiện được không tranh với người, không cầu ở đời.

## Phần 7 – Thường Lễ Cử Yếu

*(Lễ Nghi Phép Tắc Trong Cuộc Sống)*

*Cư sĩ Lý Bình Nam biên soạn*

Duyên khởi

Lễ tiết là điều không thể nào thiếu được trong cuộc sống của con người, cho đến những chủng tộc cực kì hoang dã cũng đều có một bộ lễ tiết của riêng họ. Con người trao đổi tình cảm với nhau, mọi sự duy trì trật tự nhất định, các nước gìn giữ mối quan hệ bình ổn, đều là nhờ sức mạnh của lễ tiết.

Từ khi có người không hiểu thực tế, thích việc mới lạ, phản đối lễ giáo, khăng khăng cho rằng lễ giáo là mãnh thú ăn thịt người, chủ trương bài trừ

lễ giáo, từ đó con người bắt đầu có tâm lý khinh thường lễ tiết, tự mình không làm, cũng không chịu dạy dỗ con cháu. Vấn đề này không hề đơn giản, và chắc chắn cũng không phải chỉ là vấn đề của riêng người Trung Hoa. Có làm được hay không thì không dám chắc chắn! Nhưng hiện tại, vẫn chưa làm được.

Hãy nhìn xem, hôm nay có khách đến, ngày mai đi thăm khách, chỗ này biểu lễ tặng quà, chỗ kia tiệc tùng khách khứa, phố Đông ma chay cưới hỏi, phố Tây họp hành hội nghị. Khảo sát lại cho kỹ, vẫn là đang hành xử theo những lễ tiết đó. Có người nói họ chưa học những điều này, họ không hiểu những điều này, vậy thì sao?

Cho dù quý vị không hiểu, nhưng nếu quý vị không làm theo, thì xin hãy lắng nghe những điều sau đó! Bao nhiêu lời nói ra nói vào, chê cười chế giễu, không hề khách sáo, đều phát biểu ra cả: “Người kia sao lại thế này?”, “Vô văn hóa”, “Không có hiểu biết”, “Thô thiển thấp hèn”, “Không biết xử sự”, “Chưa trải sự đời”, “Đáng ghét quá”, “Nực cười quá”, “Tránh xa họ ra”, “Đừng qua lại với họ”... Đây rầy những lời bình luận như thế đều đổ lên đầu quý vị. Tương lai của quý vị, tất cả mọi thứ, e rằng cũng sẽ vì điều này mà bị ảnh hưởng!

Lại xem những người phản đối lễ giáo kia, nếu họ gặp người có địa vị cao hơn mình, chẳng phải họ cũng sẽ bỏ mũ cúi mình chào hay sao? Gặp người nước ngoài, cũng sẽ đi bắt tay; nếu không thông báo mà chạy thẳng

vô phòng người ta, họ sẽ không vui; có người tặng quà mà mình không nói cảm ơn, người ta sẽ thấy khó chịu. Thật là mâu thuẫn, tại sao miệng thì nói phản đối lễ giáo mà họ vẫn phải tuân theo những hình thức này? Có thể thấy, họ chỉ nói suông cho sướng miệng, còn mình cũng không thể thực hành, chỉ biết bắt nạt người khác, nhất là bắt nạt những bạn trẻ ngây thơ vô tri. Nói sâu hơn một chút, thật sự là đã kìm hãm sự phát triển sự nghiệp xã hội của các bạn trẻ.

Tôi là người đã từng trải qua nhiều đắng cay trắc trở trong đời, cũng đã từng chịu vô số thiệt thòi, biết rằng nếu không có lễ tiết thì mọi sự đều không suôn sẻ. Tôi rất sợ các bạn trẻ nước mình không hiểu lễ tiết, cũng khó tránh khỏi phải chịu thiệt thòi, nên mới đặc biệt soạn ra vài điều thông dụng, công hiến cho mọi người tham khảo. Phải biết rằng lễ tiết là mỹ đức của tất cả mọi người, là thiện hành cung kính người khác, cũng là một huy chương vinh dự của chính mình, là điều bắt buộc phải thông thạo thấu tỏ!

### ***Soạn giả kính bút***

## **I. Ở NHÀ**

1. Phận làm con phải dậy sớm, áo quần mềm gối nên tự mình xếp lại gọn gàng, sớm tối nhất định phải biết thỉnh an cha mẹ.

2. Phận làm con, khi muốn ngồi thì chẳng được ngồi ghế chính giữa, lúc đi chẳng được đi chen ở chính giữa những người lớn.

3. Phận làm con, lúc đi ra cần thưa bẩm, lúc trở về cần trình thưa.
4. Người lớn trao cho vật gì, cần phải dùng hai tay để tiếp lấy.
5. Đi chung với người lớn nên đi chậm rãi phía sau, chẳng được giành đi gấp gáp ở trước người lớn.
6. Khi người lớn đứng mà mình nhỏ thì chẳng được ngồi. Đang ngồi thấy người lớn đến thì phải đứng dậy.
7. Chẳng được ở trước mặt người lớn đang ngồi mà đi đứng đỉnh qua lại.
8. Phàm khi đứng thì chẳng được đứng ở ngay giữa cửa, khi bước qua cửa thì chẳng được đạp chân lên ngạch cửa.
9. Lúc đứng thì chẳng nên đứng thọt một chân, khi ngồi chẳng được ngồi nghiêng ngửa duỗi chân như cái xỷ. Lúc nằm ngủ chẳng nên nằm ngửa hay nằm sấp, mà nên nằm nghiêng hông bên phải, cong người lại như cây cung.
10. Ngồi ăn chung bàn chẳng được sắp đặt thức ăn ngon để dành riêng ăn một mình.
11. Chẳng được bơi móc lựa chọn đồ ăn ngon dở.
12. Trong lúc ăn chẳng nên than thở, chẳng nên răn dạy trách mắng con em ngay ở trên bàn cơm.

## II. Ở TRƯỜNG

1. Lúc kéo cờ, hạ cờ cùng xướng quốc ca, hiệu ca, nên đứng nghiêm trang để bày tỏ sự cung kính.
2. Lúc thầy cô giáo lên lớp và xuống lớp, cần phải đứng lên để cung đón và tiễn đưa.
3. Khi có việc muốn thưa hỏi thầy cô thì cần phải đứng dậy.
4. Lúc đi đường gặp thầy cô giáo, nên dừng lại bên đường đứng nghiêm trang để bày tỏ sự cung kính.
5. Lúc nghe giảng, nên ngồi ngay hoặc đứng thẳng, chẳng được ngồi chống cằm, ngoẹo cổ, cong lưng, hay vênh chân lên.
6. Lúc kiểm tra thi cử, chẳng được chạm đầu kê tai, hoặc dòm trái ngó phải.
7. Yên phận mà học tập nhưng nên gần gũi với thầy cô giáo, vui chung với bạn nhưng phải đặt lòng tin nơi đạo.

## III. XỬ THẾ

1. Chẳng nên vạch bày chỉ thẳng ra cái yếu kém của người. Chẳng được phô bày cái hay tốt của mình.
2. Những chuyện ở trong gia đình mình, không thể đem đi nói cho người ngoài biết.

3. Miệng là cửa của họa phước, phàm có lời muốn nói, cần phải có sự suy ngẫm đắn đo trước rồi mới nói. Khi thấy người thất ý, chớ nên nói những việc đắc ý của mình. Gặp người lớn tuổi, chớ nên nói lời bi ai chết chóc.

4. Đối với người sơ giao mới quen, không thể tỏ lộ cho họ những lời sâu kín. Sau khi tuyệt giao rồi cũng chẳng nên nói những lời khó nghe.

5. Chẳng nên làm nhục người, chẳng nên lấy người ra làm trò đùa để mua vui.

6. Khi đứng trước người tàn tật, càng nên đặc biệt bày tỏ sự cung kính.

7. Đối với những người sống bằng sức lao động khổ nhọc như gồng gánh, bán hàng rong, chớ nên ép giá họ.

8. Thi ân cho người thì nên quên bỏ, thọ nhận ân của người cần phải báo đáp. Lỡ đắc tội với người thì nên đến xin hòa giải. Người lỡ đắc tội với mình thì nên khoan thứ.

9. Đối với người lành thì nên tự thân đến để gần gũi, phải có lòng kính tin lâu dài. Đối với hạng người xấu ác thì tự mình cũng nên cung kính nhưng cần phải lánh xa.

10. Gặp bất cứ chuyện gì cũng đều phải giữ sự trầm tĩnh, đối với những việc tự mình không thể làm được thì chớ nên vọng đòi rằng mình có thể.

11. Đi qua vườn dưa chớ nên ngồi xuống cột giày, đứng dưới cây mận

thì chớ nên đưa tay chỉnh sửa nón mũ.

12. Phàm xử sự việc gì cũng phải hợp với lý trí, không thể nghiêng nặng cảm tình.

13. Cái mình không muốn, chớ đem cho người khác.

14. Phàm cần cầu người khác dạy bảo việc gì, tất cần phải đến bên cửa để thưa hỏi.

#### **IV. ĂN CHUNG**

1. Lúc muốn ngồi, cần phải biết quan sát thứ tự lớn nhỏ, chỗ trên trước tất phải nhường cho người lớn.

2. Vào chỗ ngồi rồi chẳng được vươn vai, dang tay, duỗi chân.

3. Cần phải đợi chủ nhân nâng ly mời khách trước, bấy giờ khách mới nâng ly nói lời cảm ơn.

4. Nếu chủ nhân tự mình thân hành xuống bếp nấu nướng, nên hướng về chủ nhân lễ tạ rồi mới ăn.

5. Chủ nhân kính rượu xong rồi, khách phải nâng ly kính mời lại chủ nhân.

6. Khi bắt đầu cầm đũa, thì nên mời mọi người cùng cầm muống đũa.

7. Dùng đũa gấp đồ ăn, chỉ nên gấp những thứ ở phía của mình, chẳng được đứng dậy với tới lựa gấp đồ ăn ở phía của người khác.

8. Chẳng được dùng đũa muổng nhắm vào chính giữa ngay trên đỉnh của bát đĩa đựng thức ăn mà gấp đồ ăn, hay múc canh.

9. Đồ đựng thức ăn chung, chẳng được dùng đũa của mình bới xóc trong đó.

10. Muổng múc đồ ăn còn đọng lại nước dư, cần nên nghiêng đồ cho sạch hết rồi mới có thể để lại vào trong đồ đựng thức ăn chung.

11. Món ăn ở trong chén của mình, không thể gấp trả lại để trong bát đựng đồ thức ăn chung.

12. Đũa muổng đã dùng gấp thức ăn, không thể đưa cho người khác.

13. Trong lúc ăn chẳng được chấp lưỡi, lúc nuốt chẳng được nuốt lớn tiếng.

14. Nên lập ra nguyên tắc, trong lúc ăn chung không nên nói chuyện, như có việc cần phải nói thì nên tránh nói làm văng nước miếng vào trong thức ăn.

15. Ho hen nên lấy tay che miệng và chuyển mình quay ra đằng sau.

16. Chẳng được la mắng chó, cũng chẳng được quăng xương cho chó.

17. Chẳng nên ăn để thừa lại cơm ở trong chén.

18. Chẳng được hướng trước mặt người khác mà xỉa răng.

19. Khách ăn chưa xong, làm chủ nhân thì chẳng được đứng dậy trước.

20. Sau khi ăn xong đứng dậy, là chủ nhân thì nên nhã nhặn mở lời mời lưu lại, khách nói lời từ tạ.

21. Tiệc xong, chủ nhân nên dâng khăn, mời nước, mời trà.

## V. RA NGOÀI

1. Áo quần giày nón chẳng cầu xinh xắn đẹp đẽ, nhưng cần phải chỉnh tề sạch sẽ dễ coi.

2. Khi thấy người lớn, cần đến tận nơi chào hỏi lễ phép.

3. Ở trên cao chẳng được hú gọi, chỉ trỏ, hoặc vẫy ngoắc.

4. Đi trên đường chẳng được hút thuốc, chẳng được nhai đồ ăn, chẳng nên hát nghêu ngao.

5. Đang ngồi trên xe, gặp người lớn thì nên xuống xe, thấy người nhỏ cũng nên gật đầu chào hỏi.

6. Khi trời tối nên về nhà, nhớ có việc không thể về được thì nên gọi điện thoại hay nhắn tin cho người trong nhà biết.

7. Ở giữa chốn ngựa xe hỗn tạp đông đúc, không nên vẫy tay chào hỏi hay lễ kính.

8. Chẳng nên đứng lâu trên đường cùng người nói chuyện.

9. Chẳng nên đứng ở giữa đường của xe ngựa chạy. Khi qua đường trước phải nhìn trái ngó phải cho rõ ràng. Không thể cùng với xe cộ tranh

giành đường.

10. Lúc đi, chân bước cần vững vàng ổn định, nên ngay người ngậm miệng, mắt thẳng nhìn về phía trước.

11. Đi đường nếu gặp người già yếu, hay phụ nữ có con nhỏ nên nhường đường, nhường ghế.

12. Giữa đường nếu có người đến hỏi thăm đường sá, nên tận tình chỉ bày rõ ràng. Mình có việc tìm người hỏi thăm đường sá, trước khi đi nhớ nói lời cảm tạ.

13. Riêng một mình thì không thể đi vào cổ miếu, lúc hai người chẳng được cúi đầu nhìn xuống giếng sâu.

14. Qua cầu nên xuống ngựa, qua sông chớ tranh giành ghe thuyền.

15. Ở trên xe, ghe thuyền, hoặc trên máy bay chẳng được ló đầu ra ngoài hoặc thò tay qua song cửa, càng không được tùy tiện hỷ mũi khạt nhỏ.

## **VI. THĂM VIẾNG**

1. Trước cần đứng bên ngoài gõ nhẹ lên cửa, chủ nhân cho mời vào mới được vào.

2. Vào trong phòng nếu thấy có khách khác, chủ nhân vì mình giới thiệu, nên hành lễ chào hỏi từng người, lúc chào đi ra cũng lại như thế.

3. Vào trong phòng, nếu thấy đã có khách khác rồi thì ta chẳng nên ngồi lâu. Nếu có việc cần thì nên mời chủ nhân sang phòng bên một chút rồi mới trình thưa những chuyện mình muốn nói.

4. Đang ngồi nói chuyện với người mà thấy có khách khác đến viếng thăm, ta nên khéo biết thời mà từ tạ ra về.

5. Đứng ngồi nên ngay ngắn, chẳng được ngã người cong mình mà tiếp chuyện, cũng chẳng được cười nói một cách ồn ào.

6. Không được mang tất cả các loại động vật lên nhà lớn, phòng thờ.

7. Những thư từ văn kiện ở trong phòng của chủ nhân, tự mình chẳng được lấy ra xem.

8. Khi nói chuyện hỏi đáp qua lại nên nhìn vào khách nói chuyện (chẳng nên nói chuyện mà nhìn nơi khác).

9. Khi ở thượng đường, nên nói lớn tiếng (để mọi người cùng nghe được).

10. Khi ra vào, thấy cửa đang mở thì nên để mở, cửa đóng thì cũng nên để đóng. Có người theo phía sau, nếu là cửa đóng thì chớ nên để họ cùng theo vào.

11. Khi thấy chủ nhà có vẻ mệt mỏi, ngáp dài, hoặc thỉnh thoảng nhìn đồng hồ, thì ta phải biết đến lúc nên cáo từ.

12. Lúc ăn cơm và lúc ngủ chớ nên thăm viếng.

13. Yết kiến trưởng quan, bậc tôn trưởng, trước hết nên cúi đầu lễ kính, sau đó mới ngồi xuống tiếp chuyện, lúc ra về cũng lại như vậy.

14. Khi cùng với trưởng quan, bậc tôn trưởng, hay cùng phụ nữ bắt tay theo lễ nghi, nên chờ người kia đưa tay ra trước, sau đó mới kính cẩn cùng họ bắt tay.

15. Khi viếng thăm những người làm việc theo công nhân viên chức, trước hết nên hỏi cho biết họ mấy giờ phải có lớp, phải vào làm việc, tránh không nên ngồi lâu nói chuyện phiếm, làm trễ nãi thời gian của họ.

16. Đến nhà người khác thăm viếng, nếu không gặp được khách thì hoặc để lại danh thiếp, hoặc lưu lại lời nhắn, hay viết vài dòng để lại cho họ biết.

## **VII. GẶP KHÁCH**

1. Khi gặp khách, trước hết nên chào hỏi lễ kính, còn khách quen thì có thể ngồi xuống hàn huyên tâm sự, nếu là khách mới thì nên hỏi thăm tên họ và nơi chốn.

2. Nếu gặp khách ở bên ngoài cổng thì nên đi đến tận nơi vì họ mà đóng mở cửa.

3. Đi đến trước mỗi cửa đều nên nhường cho khách đi trước.

4. Vào cửa rồi thì phải nên vì khách mà chỉ bảo an trí chỗ ngồi cho họ.

5. Trong phòng nếu đã có khách lạ khác thì nên vì họ mà giới thiệu.

Khi giới thiệu, nên đối trước người lớn giới thiệu người nhỏ trước rồi mời giới thiệu đến người lớn. Giới thiệu người cấp thấp trước rồi đến giới thiệu bậc tôn trọng, giới thiệu người gần đến người xa, nếu ngang hàng đồng vai vế thì giới thiệu theo thứ tự từ trước ra sau.

6. Kính dâng trà nước, bánh trái thì nên mời từ người lớn đến người nhỏ, mời khách lạ trước rồi mới đến người quen sau.

7. Là chủ nhân nên đứng dậy để nâng trà mời khách.

8. Lúc khách ra về nên đứng lên đưa tiễn để bày tỏ sự kính trọng. Nếu là khách từ phương xa đến, khi tiễn khách nên đưa ra đến tận đầu thôn, hoặc ra đến ngã ba đường.

9. Đối với khách từ phương xa đến, nên dự bị đồ ăn thức uống, phòng ngủ, chỉ dẫn cho họ nơi ăn chốn ở, cho đến chỗ vệ sinh tắm rửa.

10. Khách ở xa lúc ra về, nên đưa tiễn đến bến xe. Khi đưa tiễn nên đứng trông theo cho đến khi bóng xe xa khuất rồi mới quay về.

## **VIII. ĐI DU LỊCH**

1. Trước khi đi xa, nên chào từ giả thân hữu, lễ lạy tổ tiên ông bà và từ biệt người thân.

2. Sau khi ra đi, đến được địa điểm mình muốn đến rồi thì trước tiên nên đi thăm hỏi những bậc nhân sĩ quen biết.

3. Trở về nên viếng thăm thân hữu, hoặc biếu tặng vài món đặc sản.

4. Nếu có thân hữu trước đi xa đến chỗ mình chào từ tạ, thì mình cũng nên đến để đưa tiễn họ. Trước khi họ đi, mình nên tặng lễ vật, hoặc mở tiệc tiễn đưa.

5. Khách từ phương xa đến thăm viếng, nên đến đáp tạ hoặc bày tiệc đãi cơm tiếp đón.

6. Lữ khách đi xa trở về thăm viếng, nên đến thăm hỏi để hồi đáp lại, hoặc bày tiệc tẩy trần.

7. Khi được người đến tiễn đưa, đến nơi rồi thì nên ngỏ lời cảm tạ từng người.

8. Được người mở tiệc đón mừng hay tẩy trần xong, nên đáp trả mà mời tiệc họ trở lại.

9. Nhập cảnh nên hỏi thăm điều cấm, nhập quốc hỏi tục lệ, nhập môn hỏi điều húy kỵ.

10. Đến đất nước khác chẳng được đánh ngựa xe chạy nhanh, vào trong thôn xóm nên xuống ngựa xe.

## **IX. ĐỐI CHÚNG**

1. Người khác đang nói chuyện, không được nói chen ngang ngắt lời người khác ở giữa chừng.

2. Hai người đang nói chuyện, không được đi chen ngang ở giữa.

3. Chẳng được lớn tiếng nói cười ồn ào làm nhiễu loạn sự thấy nghe của người khác.
4. Chẳng được ngồi ngang, chẳng được ngồi bạnh chân, chẳng được ngồi duỗi thẳng chân ra.
5. Chẳng được ngồi cách bàn với sang nói chuyện.
6. Khi ngồi chẳng được nhấc hai chân ghé sau lên.
7. Áo mũ chẳng được treo móc chồng lên áo mũ của người khác.
8. Chẳng được hướng về phía người khác phun nước, khạc nhổ.
9. Chẳng được hướng về phía người khác ợ ngáp, co duỗi, hắt hơi.

## **X. QUÀ CÁP**

1. Quà lễ thường cần có sự qua lại. Có quà mà không có lại, có lại mà không có qua, đều chẳng phải lễ vậy.
2. Tặng quà cho người chẳng nên gọi người đến để lấy. Tặng quà không nên hỏi người kia đang cần cái gì (vì họ sẽ ái ngại không nói).
3. Tặng quà cho người, cần phải dùng thái độ khiêm nhã cung kính khi trao tặng.
4. Tặng quà cho người, bên ngoài nên dùng bao bì gói quà cho trang nhã, ngoài trừ lễ vật hôn, táng, khánh thọ.
5. Lúc bình thường tặng quà, trên bàn ngồi đã có khách khác, nên đem

tránh ngoài chỗ thấy nghe, nhưng nếu đối với người từ xa đến, hoặc người mới gặp lần đầu thì không cần phải né tránh.

6. Tiếp nhận quà tặng, ban đầu nên tỏ lòng khiêm tốn nói lời từ tạ rồi sau đó mới thọ nhận, nói lời cảm tạ. Qua vài ngày sau nên đến chỗ họ để thăm viếng.

7. Khi người lớn ban tặng cho đồ vật, không dám được phép chối từ.

## **XI. KHÁNH ĐIỀU**

1. Tham gia lễ hội ăn mừng, chẳng được thốt ra những lời đau thương, chết chóc, chẳng nên để gương mặt đăm chiêu rầu rĩ, sứt sùi.

2. Đang trong thời gian giữ tang chẳng nên đến tham dự các hội lễ ăn mừng, chỉ nên gửi biếu vật phẩm theo nghi lễ mà thôi.

3. Đang mặc đồ tang phục trên người chẳng được đi vào chỗ công cộng. Chẳng được dừng lại xem các cuộc lễ mừng của người.

4. Trước lễ mừng kết hôn có đông quan khách chớ nên thốt lời đùa giỡn gàn rồ.

5. Lúc sắp làm lễ mai táng chẳng được cười.

6. Bên trong nhà đang có quan tài, chẳng được ca hát, hoặc mở các loại nhạc.

7. Dùng cơm nước tại nhà đang có lễ tang, nếu có uống rượu chẳng thể

uống đến đôi sắc mặt.

8. Những phù hiệu, phục sức được mặc trong tang lễ, sau khi làm lễ xong thì phải tháo bỏ, chẳng được đeo giữ ở trên người mà đi ra ngoài.

## **XII. XUNG HỒ**

*(Phần này chưa được chuyển ngữ các danh xưng, do vì chưa tìm được danh từ thích hợp)*

### **Phần 8 – Hảo Nhân Ca**

Trời đất sanh vạn vật, con người cao quý nhất. Người tốt trong cuộc đời, cao quý nhất cõi người.

Người tốt phải trung tín, người tốt trọng hiếu đễ. Người tốt biết liêm sỉ, người tốt giữ lễ nghĩa.

Người tốt không mê rượu, cũng không màng ca kĩ. Người tốt chẳng cờ bạc, người tốt không hiếu thắng.

Người tốt không cậy giàu, người tốt không ỷ thế. Người tốt không gạt nợ, người tốt không lấn đất.

Người tốt không xúi bẩy, người tốt không đổ ky. Người tốt không nói dối, người tốt không bôn cợt.

Người tốt không đàm tiếu, người tốt không bác nghĩa. Người tốt không

bạn xấu, người tốt không chơi bời.

Người tốt không lỗ mãng, người tốt không cuồng nghịch. Người tốt không biếng nhác, người tốt không uổng phí.

Người tốt không cợt nhã, người tốt không hoa lệ. Người tốt không lôi thôi, người tốt không kì quái.

Người tốt không ngang ngược, người tốt không mờ ám. Người tốt cứu hoạn nạn, người tốt ban ân huệ.

Người tốt hành phương tiện, người tốt hay nhường nhịn. Người xấu mắng người tốt, người tốt không đáp lời.

Người xấu đánh người tốt, người tốt chỉ né đi. Từ già cho đến nhỏ, người tốt không đắc tội.

Phàm mọi việc lớn bé, người tốt thuận lý trời. Người giàu làm người tốt, âm đức truyền đời sau.

Quý nhân làm người tốt, lảng giềng không chửi bới. Người nghèo làm người tốt, hơn cả ngàn khoảnh đất.

Tiện nhân làm người tốt, cao quý tựa vương hầu. Thiếu niên làm người tốt, đức vọng bằng trưởng bối.

Cụ già làm người tốt, lấp hết lỗi cả đời. Kẻ yếu làm người tốt, kẻ mạnh tự hổ thẹn.

## TÌNH TÔNG ĐỒNG HỌC TU HÀNH THỦ TẮC

Kẻ ác làm người tốt, danh tiếng thêm muôn phần. Người tốt quê hương quý, người tốt nước nhà thương.

Người tốt động quỷ thần, người tốt cảm trời đất. Không uổng một kiếp người, phần đầu thay trời đất.

Ôi chao, đời người trăm năm chớp mắt trôi đi không trở lại, chớ nên hung ác để đời oán than.

-----